

Số: **3368** /TCT-KK
V/v sửa đổi, bổ sung một số điểm tại
quy trình miễn giảm thuế ban hành
theo Quyết định 1444/QĐ-TCT

Hà Nội, ngày 19 tháng 8 năm 2014

Kính gửi: Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Trong khi chờ sửa đổi, bổ sung Quy trình miễn thuế, giảm thuế ban hành kèm theo Quyết định 1444/QĐ-TCT ngày 24/10/2011 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế, Cục Thuế các tỉnh thành phố tiếp tục thực hiện giải quyết hồ sơ miễn thuế, giảm thuế theo quy định tại quy trình. Để phù hợp với Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý Thuế và phù hợp với sự hỗ trợ của ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác miễn thuế, giảm thuế tại Cục Thuế/Chi cục Thuế, Tổng cục Thuế hướng dẫn cụ thể một số nội dung như sau:

1. Về trường hợp cơ quan Thuế quyết định miễn thuế, giảm thuế: thực hiện theo quy định tại Điều 21 và Điều 46 Chương VI Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính.

2. Bổ sung nội dung liên quan đến giải quyết hồ sơ miễn thuế, giảm thuế sửa đổi, bổ sung Tiết d Điểm 2.2 Mục I Phần II quy trình miễn thuế, giảm thuế ban hành kèm theo Quyết định số 1444/QĐ-TCT ngày 24/10/2011 như sau:

“Căn cứ kết quả kiểm tra thuế tại trụ sở NNT, bao gồm: Biên bản kiểm tra; quyết định xử lý kết quả kiểm tra và các tài liệu có liên quan khác (nếu có) tiếp tục bổ sung nội dung vào Mục V và Mục VI Phiếu nhận xét và xử lý hồ sơ miễn thuế, giảm thuế (mẫu số 01/QTr-MGT ban hành kèm theo công văn này) và lập Phiếu đề xuất miễn thuế, giảm thuế (mẫu số 04/QTr-MGT ban hành kèm theo công văn này)”

3. Các mẫu biểu báo cáo quy định tại Quy trình miễn thuế, giảm thuế ban hành kèm theo Quyết định 1444/QĐ-TCT ngày 24/10/2011 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế được sửa đổi, bổ sung theo Phụ lục ban hành kèm theo công văn này, cụ thể như sau:

3.1. Các mẫu biểu trong quy trình miễn thuế, giảm thuế ban hành kèm theo Quyết định 1444/QĐ-TCT ngày 24/10/2011 áp dụng theo Thông tư số 28/2011/TT-BTC ngày 28/02/2011 của Bộ Tài chính thì thực hiện theo mẫu biểu mới theo hướng dẫn tại Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính.

3.2. Sửa đổi, bổ sung các mẫu biểu tại Quy trình miễn thuế, giảm thuế ban hành kèm theo Quyết định 1444/QĐ-TCT ngày 24/10/2011 của Tổng cục trưởng

Tổng cục Thuế thay bằng các mẫu biểu quy định tại Phụ lục kèm theo công văn này, cụ thể:

Số TT	TÊN VĂN BẢN	MÃ SỐ	SỐ TRANG
1	Phiếu nhận xét và xử lý hồ sơ miễn thuế, giảm thuế	01/QTr-MGT	03
2	Thông báo về việc hồ sơ thuộc diện kiểm tra trước khi quyết định miễn thuế, giảm thuế	02/QTr-MGT	01
3	Thông báo về việc tạm dừng giải quyết hồ sơ miễn thuế, giảm thuế	03/QTr-MGT	01
4	Phiếu đề xuất miễn thuế, giảm thuế	04/QTr-MGT	01
5	Thông báo về việc hồ sơ chưa đủ, chưa đúng thủ tục	05/QTr-MGT	01
6	Báo cáo tổng hợp kết quả miễn thuế, giảm thuế	06/QTr-MGT	01
7	Sổ theo dõi tình hình miễn thuế, giảm thuế	07/QTr-MGT	01

(Mẫu biểu sửa đổi đính kèm công văn)

4. Về việc báo cáo tổng hợp tình hình miễn, giảm thuế: liên quan đến báo cáo chi tiết kết quả và tình hình miễn thuế, giảm thuế thực hiện theo mẫu số 05/QTr-MGT và báo cáo tổng hợp tình hình miễn, giảm thuế thực hiện theo mẫu 06/QTr-MGT nêu tại Quy trình miễn, giảm thuế ban hành kèm theo Quyết định số 1444/QĐ-TCT ngày 24/10/2011 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế được thay bằng báo cáo theo mẫu 06/QTr-MGT và mẫu số 07/QTr-MGT nêu trên.

5. Các mẫu biểu báo cáo nêu trên được áp dụng thực hiện kể từ ngày 01/9/2014.

Tổng cục Thuế thông báo đề Cục Thuế các tỉnh thành phố trực thuộc trung ương biết và triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các Vụ/Đơn vị thuộc TCT;
- Vụ TTHT (để đăng website);
- Lưu: VT, KK(2b).



Bùi Văn Nam

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo công văn số 3369/TCT-KK
ngày 19 tháng 8 năm 2014 của Tổng cục Thuế)

1. Các biểu mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính áp dụng trong Quy trình miễn thuế, giảm thuế:

SỐ TT	TÊN VĂN BẢN	MẪU SỐ
1	Thông báo về việc giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu	01/KTTT
2	Biên bản làm việc về việc giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu	02/KTTT
3	Quyết định về việc kiểm tra (thanh tra) thuế	03/KTTT
4	Văn bản đề nghị giảm thuế	18/MGT-TNC
5	Văn bản đề nghị miễn (giảm) thuế	01/MGTH
6	Biên bản xác định mức độ, giá trị thiệt hại về tài sản của cơ quan có thẩm quyền và có xác nhận của chính quyền địa phương cấp xã nơi xảy ra thiên tai, hoả hoạn, tai nạn	02/MGTH
7	Quyết định miễn thuế, giảm thuế	03/MGTH
8	Thông báo về việc NNT không thuộc diện được miễn thuế (giảm thuế)	04/MGTH

2. Các biểu mẫu bổ sung các mẫu biểu ban hành kèm theo Quy trình miễn thuế, giảm thuế:

SỐ TT	TÊN VĂN BẢN	MẪU SỐ	SỐ TRANG
1	Phiếu nhận xét và xử lý hồ sơ miễn thuế, giảm thuế	01/QTr-MGT	03
2	Thông báo về việc hồ sơ thuộc diện kiểm tra trước khi quyết định miễn thuế, giảm thuế	02/QTr-MGT	01
3	Thông báo về việc tạm dừng giải quyết hồ sơ miễn thuế, giảm thuế	03/QTr-MGT	01
4	Phiếu đề xuất miễn thuế, giảm thuế	04/QTr-MGT	01
5	Thông báo về việc hồ sơ chưa đủ, chưa đúng thủ tục	05/QTr-MGT	01
6	Báo cáo tổng hợp kết quả miễn thuế, giảm thuế	06/QTr-MGT	01
7	Sổ theo dõi tình hình miễn thuế, giảm thuế	07/QTr-MGT	01

Mã số hồ sơ:

PHIẾU NHẬN XÉT VÀ XỬ LÝ HỒ SƠ MIỄN THUẾ, GIẢM THUẾ

I - THÔNG TIN CHUNG

- Tên người nộp thuế: ...
 - Mã số thuế: ...
 - Địa chỉ: ...
- Văn bản đề nghị miễn thuế, giảm thuế của người nộp thuế số ... ngày ... tháng ... năm ...
- Cơ quan thuế nhận được đủ hồ sơ miễn thuế, giảm thuế theo quy định ngày:

II. PHÂN LOẠI HỒ SƠ

- Trường hợp đề nghị miễn thuế, giảm thuế (đánh dấu "x" lựa chọn)
 - Miễn thuế
 - Giảm thuế

- Phân loại hồ sơ miễn thuế, giảm thuế của NNT:

VD:

Miễn, giảm cho hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán có tạm nghì kinh doanh

- Thuế GTGT
- Thuế TNCN
-

- Số thuế đề nghị miễn thuế, giảm thuế:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Loại thuế		Kỳ thuế		Số tiền thuế đề nghị miễn giảm	Ghi chú
	Tiểu mục	Tên	Từ kỳ	Đến kỳ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
						Đối với trường hợp miễn giảm thuế khác theo quy định của pháp luật thuế thì ghi rõ lý do
Tổng cộng						X

III- PHÂN TÍCH HỒ SƠ

1. Đối chiếu số liệu hồ sơ miễn thuế, giảm thuế (theo số liệu có tại CQT và kết quả kiểm tra miễn thuế, giảm thuế tại trụ sở người nộp thuế, nếu có):

Đơn vị tính: Đồng

STT	Loại thuế		Kỳ thuế		Số đề nghị miễn giảm	Số thuế đủ điều kiện được miễn giảm	Số tiền thuế không đủ điều kiện miễn giảm thuế	Lý do không đủ điều kiện miễn giảm thuế	Ghi chú
	Tiểu mục	Tên	Từ kỳ	Đến kỳ					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
Tổng cộng								X	X

2. Đối chiếu với các danh mục tài liệu gửi kèm

3. Nội dung giải trình, bổ sung của NNT:

- CQT đã có thông báo đề nghị NNT giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu liên quan đến hồ sơ miễn thuế, giảm thuế:

Lần 1

- Thông báo số ... ngày ... tháng ... năm ...
- Văn bản giải trình số....ngày....tháng...năm....
- Nội dung giải trình, bổ sung của NNT: ...

Lần 2

- Thông báo số ... ngày ... tháng ... năm ...
- Văn bản giải trình số....ngày....tháng...năm....
- Nội dung giải trình, bổ sung của NNT: ...

4. Tình hình tuân thủ pháp luật về thuế của các kỳ miễn thuế, giảm thuế trước (nếu có):

IV- NHẬN XÉT HỒ SƠ

Hồ sơ miễn thuế, giảm thuế của NNT thuộc diện ra quyết định hoặc thông báo.

Hồ sơ miễn thuế, giảm thuế của NNT thuộc diện kiểm tra tại trụ sở NNT trước khi quyết định miễn thuế, giảm thuế, lý do:

Hết thời hạn theo thông báo của cơ quan thuế nhưng NNT không giải trình, bổ sung thông tin tài liệu hồ sơ miễn thuế, giảm thuế theo yêu cầu.

□ Nội dung giải trình, bổ sung thông tin tài liệu của NNT không đủ căn cứ chứng minh số thuế đã khai là đúng...*(nếu rõ lý do phải kiểm tra tại trụ sở NNT trước khi quyết định miễn thuế, giảm thuế liên quan đến các nội dung mà CQT đã đề nghị NNT giải trình, bổ sung)*.

V – TÌNH HÌNH KIỂM TRA THỰC TẾ TẠI TRỤ SỞ NGƯỜI NỘP THUẾ (nếu có)

1. Tình hình kiểm tra...

- Số thông báo KT tại trụ sở NNT.....Ngày ...tháng...năm
- Quyết định kiểm tra số... ngày ...tháng năm....

2. Kết quả kiểm tra

- Biên bản công bố quyết định kiểm tra ngày ... tháng ... năm ...
- Kết quả kiểm tra (kèm theo biên bản kiểm tra):
- Hoặc Hồ sơ miễn thuế, giảm thuế của NNT thuộc diện phải thanh tra tại trụ sở NNT trước khi quyết định miễn thuế, giảm thuế:.....

Lý do:

VI – PHÂN TÍCH HỒ SƠ SAU KHI KIỂM TRA TẠI TRỤ SỞ NNT (nếu có)

1. Phân tích (Căn cứ nội dung của điểm V):

2. Kết quả:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Loại thuế		Kỳ thuế		Số đề nghị miễn giảm	Số thuế đủ điều kiện được miễn thuế, giảm thuế	Số tiền thuế không đủ điều kiện miễn thuế, giảm thuế	Lý do không đủ điều kiện miễn thuế, giảm thuế	Ghi chú	
	Tiêu mục	Tên	Từ kỳ	Đến kỳ						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	
Tổng cộng									X	X

3. Hồ sơ miễn thuế, giảm thuế của NNT thuộc diện phải thanh tra tại trụ sở NNT trước khi quyết định miễn thuế, giảm thuế:

Lý do:.....

..., ngày ... tháng ... năm ...

NGƯỜI LẬP PHIẾU

(Ký, ghi rõ họ và tên)

..., ngày ... tháng ... năm ...

PHỤ TRÁCH BỘ PHẬN

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Nơi nhận: (nếu khác bộ phận)

- Tên bộ phận nhận viết tắt (kèm theo hồ sơ);
- Lưu: Tên bộ phận lập viết tắt.

...TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
...TÊN CƠ QUAN THUẾ... **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ... /TB-...

..., ngày ... tháng ... năm ...

THÔNG BÁO

Về việc hồ sơ thuộc diện phải kiểm tra tại trụ sở NNT trước khi quyết định miễn thuế, giảm thuế

... (Tên cơ quan thuế)... nhận được văn bản đề nghị miễn thuế, giảm thuế số
... ngày... tháng... của ... (tên người nộp thuế)..., mã số thuế:... và hồ sơ kèm
theo.

Ngày nhận được hồ sơ miễn thuế, giảm thuế: ...

Ngày thông báo giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu:

Lần 1:

Lần 2:

Ngày nhận được bản giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu của NNT: ...

Lần 1:

Lần 2:

Căn cứ Luật Quản lý thuế, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật
quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành, ... (tên cơ quan thuế)... thông
báo hồ sơ đề nghị miễn thuế, giảm thuế của ... (tên người nộp thuế)... thuộc diện
kiểm tra tại trụ sở NNT trước khi quyết định miễn thuế, giảm thuế.

Lý do:

Hết thời hạn theo thông báo của cơ quan thuế nhưng NNT không giải
trình, bổ sung thông tin tài liệu hồ sơ miễn thuế, giảm thuế theo yêu cầu.

Nội dung giải trình, bổ sung thông tin tài liệu của NNT không đủ căn cứ
chứng minh số thuế đã khai là đúng....(nếu rõ lý do phải kiểm tra tại trụ sở NNT
trước khi quyết định miễn thuế, giảm thuế liên quan đến các nội dung mà CQT
đã đề nghị NNT giải trình, bổ sung).

Thời hạn giải quyết hồ sơ miễn thuế, giảm thuế là 60 ngày kể từ ngày cơ
quan thuế nhận được đủ hồ sơ theo quy định.

Nếu có vướng mắc, đề nghị ... (Tên NNT)... liên hệ với (Tên cơ quan thuế)
để được giải đáp.

Số điện thoại: ...

Địa chỉ:

Nơi nhận:

- Tên NNT..
- Các bộ phận: TTHT, KTr (nếu có),...;
- Lưu: VT, tên đơn vị soạn thảo viết tắt.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ
(Ký, ghi rõ họ và tên)

...TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
...TÊN CƠ QUAN THUẾ... **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ... /TB-...

..., ngày ... tháng ... năm ...

THÔNG BÁO

Về việc tạm dừng giải quyết hồ sơ miễn thuế, giảm thuế

.... (Tên cơ quan Thuế) ... nhận được văn bản đề nghị miễn thuế, giảm thuế số ... ngày ... tháng ... năm ... của ...(tên người nộp thuế)..., mã số thuế: ... và hồ sơ kèm theo.

Căn cứ quy định tại Khoản 2, Điều 81 Luật Quản lý thuế Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành, ...(tên cơ quan Thuế)... thông báo tạm dừng giải quyết hồ sơ đề nghị miễn thuế, giảm thuế của ...(tên người nộp thuế)... để thực hiện thanh tra thuế.

Lý do: ...(nêu rõ dấu hiệu vi phạm pháp luật về thuế)...

Sau khi có kết luận thanh tra của cấp có thẩm quyền, cơ quan thuế sẽ tiếp tục giải quyết hồ sơ miễn thuế, giảm thuế theo quy định.

Nếu có vướng mắc, đề nghị ...(Tên NNT).... liên hệ với (Tên cơ quan thuế) để được giải đáp.

Số điện thoại: ...

Địa chỉ:

Nơi nhận:

- Tên NNT...;
- Bộ phận TTHT;
- Phòng Thanh tra thuộc Cục Thuế;
-
- Lưu: VT, tên đơn vị soạn thảo viết tắt.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ
(Ký, ghi rõ họ và tên)

CỤC THUẾ /CHI CỤC THUẾ...
 PHÒNG /ĐOÀN...

Mã số hồ sơ:

PHIẾU ĐỀ XUẤT MIỄN THUẾ, GIẢM THUẾ

I - THÔNG TIN CHUNG

II - ĐỀ XUẤT XỬ LÝ:

- Hồ sơ không thuộc diện miễn thuế, giảm thuế
 Lý do không thuộc diện miễn thuế, giảm thuế.....
- Hồ sơ thuộc diện được miễn thuế, giảm thuế
1. Đề xuất số thuế đủ điều kiện được miễn thuế, giảm thuế:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Loại thuế		Kỳ thuế		Số đề nghị miễn thuế, giảm thuế	Số thuế đủ điều kiện được miễn thuế, giảm thuế	Số tiền thuế không đủ điều kiện miễn thuế, giảm thuế	Lý do không đủ điều kiện miễn thuế, giảm thuế	Ghi chú
	Tiêu mục	Tên	Từ kỳ	Đến kỳ					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
Tổng cộng								X	X

2. Các ý kiến đề xuất khác:

.....

..., ngày ... tháng ... năm ...
 NGƯỜI LẬP PHIẾU
 (Ký, ghi rõ họ và tên)

..., ngày ... tháng ... năm ...
 PHỤ TRÁCH BỘ PHẬN
 (Ký, ghi rõ họ và tên)

Mẫu số: 05/QTr-MGT
(Ban hành kèm theo Quyết định số
1444/QĐ-TCT ngày 24/10/2011 của
Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế)

...TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
...TÊN CƠ QUAN THUẾ... Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ... /TB-...

..., ngày ... tháng ... năm ...

THÔNG BÁO
Về việc hồ sơ chưa đủ, chưa đúng thủ tục

Ngày ... tháng ... năm ..., ... (tên Cơ quan Thuế)... nhận được văn bản đề nghị miễn thuế, giảm thuế ... (tên người nộp thuế)..., mã số thuế: ... và hồ sơ kèm theo.

Căn cứ Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành...(ghi rõ điều, khoản, tên văn bản quy định thủ tục hồ sơ miễn thuế, giảm thuế có liên quan)... và lý do đề nghị miễn thuế, giảm thuế của người nộp thuế, cơ quan Thuế thông báo hồ sơ đề nghị miễn thuế, giảm thuế của người nộp thuế chưa đủ, chưa đúng thủ tục, cụ thể:

Số TT	Quy định hiện hành	Hồ sơ đề nghị miễn thuế, giảm thuế của người nộp thuế
1	... (ghi rõ tên tài liệu)...	... (ghi rõ đã nộp hay chưa nộp hay đã nộp nhưng chưa đúng thủ tục)...
2	... (ghi rõ tên tài liệu)...	... (ghi rõ đã nộp hay chưa nộp hay đã nộp nhưng chưa đúng thủ tục)...
		*Tài liệu đã nộp khác với quy định (nếu có):... (ghi rõ tên tài liệu)...

Cơ quan Thuế thông báo đề người nộp thuế bổ sung đủ thủ tục hồ sơ theo quy định trước ngày ... tháng ... năm ...

Nếu có vướng mắc, đề nghị ... (Tên NNT) ... liên hệ với (Tên cơ quan thuế) để được giải đáp.

Số điện thoại: ...

Địa chỉ:

Nơi nhận:

-Tên NNT....;

- Lưu: VT, tên đơn vị soạn thảo viết tắt.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ

(Ký, ghi rõ họ và tên)

CỤC THUẾ...
CHI CỤC THUẾ ...

Mã số, OT/OT-MGT
(Ban hành kèm theo Quyết định số
1444/QĐ-TCT ngày 24/10/2011 của Tổng cục
trưởng Tổng cục Thuế)

SỐ THEO DÕI TÌNH HÌNH MIỄN THUẾ, GIẢM THUẾ
Kỳ báo cáo: tháng... năm...

Đơn vị nộp: Đồng Việt Nam

STT	MST	Tên NNT	Mã số đăng ký kinh tế (Mục - Tiêu mục)	Mã số chương	Tên NNT	Mô tả nội dung kinh tế (Mục - Tiêu mục)	Văn bản đề nghị miễn thuế, giảm thuế			Kỳ phát sinh số thuế miễn thuế, giảm thuế		Số thuế để nghị miễn thuế, giảm thuế	Kết quả giải quyết miễn thuế, giảm thuế				Ghi chú
							Số	Ngày	Từ kỳ	Đến kỳ	Số thuế được miễn thuế, giảm thuế		Số thuế không được miễn thuế, giảm thuế				
											Quyết định (Số, ngày/tháng/năm)		Số tiền	Thông báo (Số, ngày/tháng/năm)	Số tiền		
							Số	Ngày	Số báo	Ngày/tháng/năm	Số báo	Ngày/tháng/năm	Số tiền	Số tiền			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
1						Miễn thuế											
1						Miễn thuế cho hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán											
1.1						Miễn thuế cho hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán											
1.1.1						Thuế tài nguyên											
						...											
1.2						Miễn thuế cho hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán các trường hợp khác											
2						Miễn thuế cho người nộp thuế gặp khó khăn do thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ, bệnh hiểm nghèo											
2.1						Miễn thuế cho người nộp thuế gặp khó khăn do thiên tai											
2.1.1						Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp											
2.1.2						Thuế sử dụng đất nông nghiệp.											
2.1.3						Thuế tài nguyên											
						...											
2.2						Miễn thuế cho người nộp thuế gặp khó khăn do hỏa hoạn											
2.2.1						Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp											
2.2.2						Thuế sử dụng đất nông nghiệp.											
2.2.3						Thuế tài nguyên											
						...											
2.3						Miễn thuế cho người nộp thuế gặp khó khăn do tai nạn bất ngờ											
2.3.1						Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp											
2.3.2						Thuế sử dụng đất nông nghiệp.											
2.3.3						Thuế tài nguyên											
						...											
3						Miễn thuế theo các Nghị quyết của Quốc hội, Nghị định của CP											

STT	MST	Tên chương	Mã số dụng kinh tế (Mã - Tiêu mng)	5	6	Số thuế				Số thuế để nghị miễn thuế, giảm thuế	Số thuế được miễn thuế, giảm thuế					Số thuế không được miễn thuế, giảm thuế	Số thuế	Số tiền	Ghi chú	
						7	8	9	10		Quyết định (Số, ngày/thang/năm)	Số thuế/định	Số tiền	Số thuế/định	Số tiền					Số thuế/định
3.1				Miễn thuế theo các Nghị quyết số 55/2010/QH12; Nghị định số 20/2011/NĐ-CP của Quốc hội về miễn, giảm Thuế sử dụng đất nông nghiệp.																
3.1.1				Thuế sử dụng đất nông nghiệp.																
3.2				Miễn thuế theo các Nghị quyết khác của Quốc hội, Nghị định khác của Chính phủ																
4				Các trường hợp miễn thuế khác																
4.1				Các trường hợp miễn thuế khác theo quy định của pháp luật về thuế																
4.1.1				Tiền thuế địa, thuế mặt nước																
4.1.2				Thu tiền sử dụng đất																
4.1.3				Thuế Tài nguyên																
4.2				Các trường hợp miễn thuế khác																
II				Giảm thuế																
I				Giảm thuế cho hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán																
1				Giảm thuế cho hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán cá nhân nghiệp kinh doanh																
1.1				Thuế GTGT																
1.1.1				Thuế TNKN																
1.1.2				Thuế TNKN																
1.2				Giảm thuế cho hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán các trường hợp khác																
1.2.1				Thuế tài nguyên																
2				Giảm thuế cho người nộp thuế gặp khó khăn do thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ, bệnh hiểm nghèo																

Kết quả giải quyết miễn thuế, giảm thuế

Số thuế được miễn thuế, giảm thuế

Số thuế không được miễn thuế, giảm thuế

Số thuế

Số tiền

Ghi chú

STT	MST	Tên NNT	Mã số chương	Mã số nội dung kinh tế (Vực - Tiểu mục)	Trường hợp miễn thuế, giảm thuế	Văn bản đề nghị miễn thuế, giảm thuế			Kỳ phát sinh số thuế miễn thuế, giảm thuế		Số thuế đã nộp miễn thuế, giảm thuế	Kết quả giải quyết miễn thuế, giảm thuế				Ghi chú	
						Số	Ngày	Từ kỳ	Đến kỳ	Số thuế được miễn thuế, giảm thuế		Số thuế không được miễn thuế, giảm thuế					
										Số		Ngày/tháng/năm	Số quyết định	Ngày/tháng/năm	Số năm		Thông báo (Số, ngày/tháng/năm)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
2.1					<i>Giảm thuế cho người nộp thuế gặp khó khăn do thiên tai</i>												
2.1.1					Thuế tiêu thụ đặc biệt												
2.1.2					Tiền thuế đất, thuế mặt nước												
2.1.3					Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp												
2.1.4					Thuế sử dụng đất nông nghiệp												
2.1.5					Thuế tài nguyên												
2.1.6					Thuế TNCN												
					...												
2.2					<i>Giảm thuế cho người nộp thuế gặp khó khăn do hỏa hoạn</i>												
2.2.1					Thuế tiêu thụ đặc biệt												
2.2.2					Tiền thuế đất, thuế mặt nước												
2.2.3					Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp												
2.2.4					Thuế sử dụng đất nông nghiệp												
2.2.5					Thuế tài nguyên												
2.2.6					Thuế TNCN												
					...												
2.3					<i>Giảm thuế cho người nộp thuế gặp khó khăn do tai nạn bất ngờ</i>												
2.3.1					Thuế tiêu thụ đặc biệt												
2.3.2					Tiền thuế đất, thuế mặt nước												
2.3.3					Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp												
2.3.4					Thuế sử dụng đất nông nghiệp												
2.3.5					Thuế tài nguyên												
2.3.6					Thuế TNCN												
					...												
2.4					<i>Giảm thuế cho người nộp thuế gặp khó khăn do bệnh hiểm nghèo</i>												
2.4.1					Thuế TNCN												
					...												
3					Giảm thuế theo các Nghị quyết của Quốc hội, Nghị định của CP												

STT	MST	Tên	Mã số chương	đang hành tế (Mức - Tiêu mục)	Trương, hợp miễn thuế, giảm thuế	Số	Ngày	Tư bộ	Đến bộ	Số thuế để miễn thuế, giảm thuế	Số thuế được miễn thuế, giảm thuế		Số thuế không được miễn thuế, giảm thuế		Chỉ chú		
											Quyết định (Số, ngày/thang/năm)	Số tiền	Số quyết định	Ngày/thang/ năm		Số tiền	Thông báo (Số, ngày/thang/năm)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
3.1					Giảm thuế theo các Nghị quyết số 55/2010/QH12; Nghị định số 20/2011/NĐ-CP của Quốc hội về miễn, giảm Thuế sử dụng đất nông nghiệp.												
3.1.1					Thuế sử dụng đất nông nghiệp.												
3.2					Giảm thuế theo các Nghị quyết khác của Quốc hội, Nghị định khác của Chính phủ.												
4					Các trường hợp giảm thuế khác												
4.1					Các trường hợp giảm thuế khác theo quy định của pháp luật về thuế												
4.1.1					Tiền thuế đất, thuế mặt nước												
4.1.2					Thu tiền sử dụng đất												
4.2					Các trường hợp giảm thuế khác												

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

PHỤ TRÁCH BỘ PHẬN
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Kiểm nhận:
In bộ phận lập viết tài

Ghi chú: Khi chưa có ứng dụng hỗ trợ, Cục Thuế lập biên niên file Excel